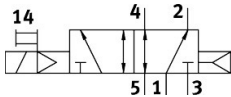
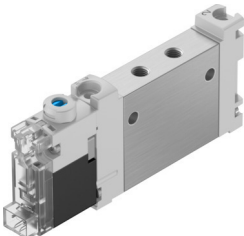


# Van điện từ

## VUVG-LK10-M52-AT-M5-1H2L-S

Số bộ phận: 8042539

FESTO



### Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                               |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 5/2 đơn ổn định                       |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                  |
| Kích thước van                                             | 10 mm                                 |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 195 l/ph                              |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | M5                                    |
| Điện áp vận hành                                           | 24V DC                                |
| Áp suất vận hành                                           | 0.25 MPA...0.7 MPA<br>2.5 bar...7 bar |
| Cấu trúc xây dựng                                          | Con trượt pít tông với vòng phốt      |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo khí nén                         |
| Giấy phép                                                  | c UL us - Recognized (OL)             |
| Cơ quan cấp chứng chỉ                                      | UL MH19482                            |
| Mức độ bảo vệ                                              | IP40                                  |
| Chức năng khí xả                                           | có thể điều tiết                      |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                   |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kỳ                                |
| Nút ghi đè                                                 | khớp quét                             |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                      |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | trong                                 |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                   |
| Xếp chồng                                                  | gối chống dương                       |
| Hiển thị trạng thái tín hiệu                               | Đèn LED                               |
| Tần số chuyển mạch tối đa                                  | 2 Hz                                  |
| Thời gian chuyển mạch tắt                                  | 17 ms                                 |
| Thời gian chuyển mạch bật                                  | 14 ms                                 |
| Thời gian bật                                              | 100%                                  |
| Xung thử nghiệm dương tính tối đa với tín hiệu 0           | 1600 µs                               |
| Xung thử nghiệm âm tính tối đa với 1 tín hiệu              | 3000 µs                               |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây                                 | 24 V DC: 0,8 W                        |
| Dao động điện áp cho phép                                  | +/- 10 %                              |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]  |

| Đặc tính                              | Giá trị                                                                              |
|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                        |
| Khả năng chống rung                   | Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6 |
| chống sốc                             | Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27          |
| Lớp chống ăn mòn KBK                  | 0 - không ứng suất ăn mòn                                                            |
| Tuân thủ LABS                         | VDMA24364 Vùng III                                                                   |
| Nhiệt độ trung bình                   | -5 °C...50 °C                                                                        |
| Môi chất kiểm soát                    | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                 |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | -5 °C...50 °C                                                                        |
| trọng lượng sản phẩm                  | 45 g                                                                                 |
| Cổng nối điện                         | 2 chân<br>Sơ đồ kết nối H, cổng nối ngang<br>Phích cắm                               |
| Kiểu gắn                              | Trên ray gắn van cụm<br>với lỗ xuyên                                                 |
| Cổng nối khí nén 2                    | M5                                                                                   |
| Cổng nối khí nén 4                    | M5                                                                                   |
| Ghi chú vật liệu                      | Tuân thủ RoHS                                                                        |
| Vật liệu của phốt                     | HNBR<br>NBR                                                                          |
| Vật liệu vỏ                           | Hợp kim nhôm rèn                                                                     |